

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TỔNG THỂ CỦA VIỆT NAM

TRƯỚC NGƯỠNG CỬA GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

NGUYỄN HỮU THẮNG*

Với việc hoàn tất đàm phán và ký thoả thuận chính thức về kết thúc đàm phán ngày 31 tháng 5 năm 2006 với đối tác thương mại cuối cùng là Hoa Kỳ, Việt Nam đang đứng trước khả năng rất lớn là sẽ gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trong năm 2006. Việc gia nhập WTO đặt các doanh nghiệp Việt Nam trước nhiều cơ hội phát triển mới nhưng cũng tạo ra không ít thách thức. Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải có năng lực cạnh tranh cao. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp phụ thuộc vào cả nỗ lực của bản thân doanh nghiệp lẫn môi trường kinh doanh.

Môi trường kinh doanh tổng thể của một quốc gia bao gồm nhiều yếu tố từ vĩ mô đến vi mô, từ kinh tế đến kỹ thuật. Có nhiều cách tiếp cận về đánh giá môi trường kinh doanh của quốc gia. Một số tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Công ty Tài chính quốc tế (IFC), Diễn đàn Kinh tế thế giới... hàng năm đưa ra các kết quả đánh giá về môi trường kinh doanh của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Theo báo cáo "Đánh giá môi trường kinh doanh năm 2006" của Ngân hàng Thế giới công bố năm 2005, các chỉ tiêu xếp hạng về mức độ dễ dàng trong kinh doanh của Việt Nam như Bảng 1.

Từ bảng xếp hạng cho thấy, trong 10 chỉ số về mức độ dễ dàng trong kinh doanh của Việt Nam, chỉ có 2 chỉ tiêu trên mức trung bình là giải quyết giấy phép (xếp thứ 18 với 14 thủ tục, 143 ngày, chi phí bằng 64,1% thu nhập bình quân đầu người) và đăng kí tài sản (xếp thứ 39 với 5 thủ tục, 67 ngày và chi phí bằng 1,2% thu nhập bình quân đầu người). Các chỉ tiêu được xếp dưới mức trung bình, trong đó có 5 chỉ tiêu được đánh giá rất thấp là bảo vệ nhà đầu tư (xếp thứ 143), sử dụng lao động (122), đóng thuế (107), tiếp cận tín dụng (106), thực hiện hợp đồng (102).

Mặc dù Việt Nam được xếp thứ 3 trong 12 nền kinh tế đi đầu trong cải cách nhưng trong tổng thể thì vẫn còn kém hơn so với các nước trong khu vực như Trung Quốc (thứ 91). Theo cách đánh giá này, môi trường kinh doanh của Việt Nam còn rất khó khăn.

Một cách đánh giá và xếp hạng khác có thể tham khảo là chỉ số năng lực cạnh tranh do Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố hàng năm. Đây là chỉ tiêu rất tổng hợp, bao gồm 3 nhóm chỉ tiêu và các chỉ tiêu thành phần. Chỉ tiêu này được xác định và công bố hàng năm trên cơ sở lấy ý kiến bình chọn từ hàng nghìn nhà lãnh đạo doanh nghiệp trên toàn cầu cho

* Ts. Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

các nền kinh tế (năm 2005 lấy ý kiến đánh giá của 11.000 nhà lãnh đạo doanh nghiệp cho 117 nền kinh tế). Các chỉ tiêu được đưa ra

bình chọn phản ánh hiện trạng của nền kinh tế: môi trường kinh tế vĩ mô, chất lượng các cơ quan, tổ chức công cộng, trình độ công nghệ.

BẢNG 1. XẾP HẠNG MỨC ĐỘ DỄ DÀNG TRONG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM
(Trong số 155 nền kinh tế)

Mức độ dễ dàng	Xếp hạng của Việt Nam	Nước xếp hạng cao nhất	Nước xếp hạng thấp nhất
Hoạt động kinh doanh	99	Niu Dilân	Cônggô
Gia nhập thị trường	82	Canada	Ângôla
Giải quyết giấy phép	18	Palau	Tandania
Sử dụng lao động	122	Palau	Buôckina Phasô
Đăng ký tài sản	39	Niu Dilân	Nigiêria
Tiếp cận tín dụng	106	Anh	Campuchia
Bảo vệ nhà đầu tư	143	Niu Dilân	Ápganistan
Đóng thuế	107	Mandivơ	Bêlarút
Thương mại qua biên giới	83	Đan Mạch	Irắc
Thực hiện hợp đồng	102	Na Uy	Đông Timo
Đóng cửa doanh nghiệp	95	Nhật Bản	Bờ Tây dải Gaza

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Công ty Tài chính quốc tế, 2005.

BẢNG 2. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH NỀN KINH TẾ VIỆT NAM THEO XẾP HẠNG CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI, 1997 - 2005

	1997	1998	1999	2001	2002	2003	2004	2005
Xếp hạng/tổng số	49/53	39/53	48/53	60/75	65/80	60/102	77/104	81/117
Khoảng cách đến nước thấp nhất	4	14	5	15	15	42	27	36

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới.

Việt Nam bắt đầu tham gia xếp hạng từ năm 1997. Kết quả qua các năm như Bảng 2 dưới đây.

Cần lưu ý là số nước được xếp hạng các năm không giống nhau nên cần tính thêm khoảng cách so với nước thấp nhất. Theo đó, năm 2003, Việt Nam được xếp hạng cao nhất từ năm 1997 đến nay với thứ hạng *danh nghĩa* là 60 và cách nước thấp nhất tới 42 bậc.

Năm 2005, Việt Nam nằm trong số 92 nước có chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp tăng với mức 0,23% (mức trung bình của tất cả 117 nền kinh tế là 0,43%). So với năm 2004,

Việt Nam có 56 chỉ số tăng hạng, 5 chỉ tiêu giữ nguyên thứ hạng và 74 chỉ số giảm hạng. Trong đó, có một số chỉ tiêu tăng và giảm hạng đáng kể như Bảng 3 dưới đây. Các chỉ tiêu được cải thiện với mức tăng hạng cao gồm: mức độ độc quyền trên thị trường (tăng 38 bậc), chuyển giao công nghệ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (+33), mức độ hành chính quan liêu (+27), cung ứng vốn kinh doanh mạo hiểm (+26), triển vọng nền kinh tế (+24) và tác động của quy định pháp luật tới đầu tư trực tiếp nước ngoài (+23). Các chỉ tiêu giảm hạng mạnh như: gánh nặng từ các quy định của Chính phủ (-43), lạm phát (-41)...

So sánh các yếu tố cấu thành chỉ số năng lực cạnh tranh tăng trưởng của Việt Nam với Thái Lan và Trung Quốc cho thấy hầu hết các chỉ tiêu thành tố của Việt Nam đều thấp hơn (xem Bảng 4 dưới đây). Thực tế là hai nước

này đã vượt lên khá xa so với Việt Nam khoảng 30 - 40 bậc cả về chỉ số môi trường kinh tế vĩ mô, cả về thể chế công và công nghệ.

BẢNG 3: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM NĂM 2005 TĂNG HẠNG VÀ GIẢM HẠNG ĐÁNG KỂ SO VỚI NĂM 2004

Chỉ tiêu	Xếp hạng năm 2005	Thay đổi thứ hạng
Mức độ độc quyền trên thị trường	36	+38
Chuyển giao công nghệ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài	46	+33
Mức độ hành chính quan liêu	64	+27
Cung ứng vốn kinh doanh mạo hiểm	40	+26
Kỳ vọng về triển vọng kinh tế	10	+24
Tác động của quy định pháp luật tới FDI	46	+23
Gánh nặng các quy định chính phủ	102	-43
Sử dụng lao động nữ trong khu vực kinh tế tư nhân	49	-42
Lạm phát	93	-41
Tỷ lệ học cấp cơ sở	66	-32
Thù lao cho cán bộ quản lý doanh nghiệp	69	-24
Mức độ dễ dàng trong tuyển dụng lao động nước ngoài	56	-22
<i>Tăng (+), giảm (-)</i>		

Nguồn: Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 2005.

BẢNG 4. CHỈ SỐ XẾP HẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH TĂNG TRƯỞNG NĂM 2004 CỦA VIỆT NAM SO VỚI THÁI LAN VÀ TRUNG QUỐC

Chỉ tiêu	Việt Nam (77)	Thái Lan (34)	Trung Quốc (46)
1. Chỉ số xếp hạng môi trường kinh tế vĩ mô	58	23	24
Chỉ số ổn định kinh tế vĩ mô	23	7	5
Chỉ số về mức độ chi tiêu lãng phí của chính phủ	68	16	30
Chỉ số về tín nhiệm tài chính của đất nước	68	42	45
2. Chỉ số xếp hạng về các thể chế công	82	45	55
Chỉ số về thi hành luật pháp và hợp đồng	55	45	54
Chỉ số về tham nhũng	97	52	60
3. Chỉ số xếp hạng về công nghệ	92	43	62
Chỉ số về sáng tạo công nghệ	79	37	70
Chỉ số về công nghệ thông tin	86	55	62
Chỉ số về chuyển giao công nghệ	66	4	37

Nguồn: WEF 2004.

Từ những đánh giá trên cũng như kết quả nghiên cứu khác cho thấy, môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng còn nhiều khó khăn, trở ngại. Để các doanh nghiệp này

đứng vững và cạnh tranh được trong điều kiện kinh tế thị trường theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh sự vươn lên của các doanh nghiệp, đòi hỏi phải tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh. □